**ĐÁP ÁN VĂN 11 CK2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC** **HIỂU** | **4.0** |
|  | 1 | Con gái tâm sự với mẹ, *ngày còn nhỏ, mình thích đọc văn ;thích lịch sử ; thích sự thơ mộng của văn ; thích nét hào hùng từ trang sử.*  Hoặc chép nguyên câu : *“Ngày còn nhỏ con gái thích đọc văn, con gái*  *thích lịch sử, con gái thích sự thơ mộng của văn, nét hào hùng từ trang*  *Sử”.*  (Học sinh trả lời 3 trong 4 ý vẫn cho điểm tối đa; 2 ý cho 0,5 điểm ; 1 ý cho 0,25 điểm) | 1.0 |
| 2 | -*Con thích văn, sử nhưng con sống giữa môi trường mà tất cả mọi người đều bất công với văn, với sử, với địa.*  *-Không chỉ là bạn bè mà cả thầy cô đều không có sự công bằng. Tất cả nói với con gái thứ chúng ta cần là giỏi, thật giỏi các môn tự nhiên vì sẽ quyết định tương lai ta.* | Mỗi ý được 0.5 |
| 3 | -*Khi bạn không biết cách ăn nói, không biết cách cư xử, mọi người sẽ không tôn trọng bạn, cho dù bạn học giỏi. Học văn cũng là cách rèn luyện cách ăn nói, cư xử.*  *-Học văn giúp tâm hồn rộng mở, được mọi người đón nhận, yêu mến.*  *-Môn văn dạy cách để con người sống tốt với chính mình, với ba mẹ, với cộng đồng xã hội...*  *→Những câu văn trên cho thấy việc học văn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc rèn luyện đạo đức, hình thành nhân cách con người.*  (HS diễn đạt theo ý mình miễn sao hợp lý) | 1.0 |
| 4 | **Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách. Gợi ý**:  *-Cần tích cực học môn văn, học cách ăn nói, cư xử có văn hoá, đúng chuẩn mực.*  *-Học các môn tự nhiên nhưng không nên từ bỏ hẳn các môn xã hội : văn, sử, địa, công dân.*  *-Cần có cái nhìn tích cực, đúng đắn về ý nghĩa của việc học văn và các môn xã hội.*  *-Cần thường xuyên bồi dưỡng tâm hồn, rèn luyện đạo đức* | 1.0 |
| **II** | **LÀM** **VĂN** | |  |
|  | **Cảm nhận hai khổ thơ đầu bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”** | | **6.0** |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | | 0.25 |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận  c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. | | 0.25 |
| Nội dung: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng bài viết phải bảo đảm các ý sau: | |  |
|  | -Giới thiệu khái quát về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ“Đây thôn Vĩ Dạ”;  - Hoàn cảnh sáng tác bài thơ. | | 0.5 |
|  | **- Cảm nhận về bức tranh thiên nhiên và con người thôn Vĩ**  \* **Khổ 1**: Vẻ đẹp phong cảnh và con người thôn Vĩ Dạ trong ánh bình minh:  – Câu thơ mở đầu với 6 thanh bằng gợi ra chất giọng ngọt ngào của người Huế, gợi nỗi băn khoăn về chủ thể của câu hỏi tu từ.  + Đó có thể là câu hỏi của cô gái xứ Huế trách móc, hờn dỗi một cách duyên dáng, nhẹ nhàng, cũng như nhắc nhở, mời mọc một người bạn lâu rồi không về thăm  + Có thể là câu hỏi của chính tác giả, tự vấn, trách bản thân không về thôn Vĩ.   Dù là câu hỏi của người xứ Huế hay của chính tác giả đều biểu hiện khát khao, mong mỏi được mở lòng mình ra với cuộc đời mà nơi hướng về chính là thôn Vĩ  - Cảnh thôn Vĩ trong buổi bình minh hiện lên với những nét vẽ rất đặc sắc  + Điệp từ “nắng” gợi ra ấn tượng về ánh sáng tràn ngập, tươi sáng, bao phủ chan hòa khắp không gian  + “Nắng hàng cau”: hình ảnh của vườn cau tắm mình trong nắng  + “Nắng mới lên”: tia nắng đầu tiên trong ngày đánh thức vạn vật, trong trẻo, tinh khôi, thanh khiết, dịu dàng  - Khu vườn:  + xanh“mướt”:đó là màu xanh của sự mỡ màng, non tơ gợi sự trù phú của mảnh vườn thôn Vĩ, có thể là ướt nước do sương đêm còn đọng lại hoặc cũng có thể do nước mưa dài ngày ở Huế, gợi sự đan xen giữa xúc giác và thị giác.  + xanh như ngọc: phản chiếu ánh nắng của mặt trời, biện pháp so sánh độc đáo khiến trong màu xanh có ánh sáng, có sương long lanh của buổi sớm mai.  + đại từ phiếm chỉ“ ai”: gợi suy nghĩ về chủ nhân khu vườn xứ Huế khiến bức tranh có hồn, có tình hơn.  - Con người thôn Vĩ:  + “Lá trúc che ngang”: vẻ đẹp kín đáo, bản tính dịu dàng của con người xứ Huế. Mang vẻ đẹp rất phương Đông: cái đẹp hài hòa giữa con người với thiên nhiên.  + “Mặt chữ điền” là khuôn mặt đầy đặn cân đối đẹp phúc hậu.  Đó là một hình ảnh được cách điệu hóa. Đó không là mặt của một ai cụ thể mà nó đại diện cho vẻ đẹp của tâm hồn Huế, con người Huế : ngay thẳng, phúc hậu.   Khung cảnh thôn Vĩ được miêu tả rất tươi đẹp, đơn sơ, ấn tượng, giàu sức sống. Đó cũng là cái đẹp của tâm hồn tha thiết tình người, tình đời. | | 2.0 |
|  | **\* Khổ 2:** Cảnh Vĩ Dạ huyền ảo trong đêm trăng:  – Nhịp thơ 4/3 gió theo lối gió/mây đường mây + điệp từ => gió giăng một đằng, mây bay một nẻo không theo logic tự nhiên gợi sự chia cách, không thể trùng phùng  – Thủ pháp nhân hóa: “buồn thiu”: nhân hóa con sông thành một sinh thể có tâm trạng, vừa gợi hình, gợi cảm: dòng sông trôi đi một cách hờ hững, lặng lẽ, cô đơn.  – Động từ “lay”: sự lay động rất nhẹ như là sự níu giữ vu vơ, một lưu luyến vô vọng của kẻ bị chia lìa.  -“Thuyền ai”: đại từ phiếm chỉ “ai” tạo nên tính bất định cho chủ thể “thuyền” gợi lên một hình ảnh xa vời, diệu vợi, mông lung.  – Từ “kịp” thể hiện sự ám ảnh thời gian, sự chia lìa. Chữ “kịp” nghe thật xót xa, khắc khoải, gây nên nỗi xót thương cho người đọc.  – Thủ pháp ẩn dụ:  + “Trăng”: hình ảnh quen thuộc, ám ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhiều bài thơ, trăng là biểu tượng của tình yêu, hạnh phúc, sự sống  + “Bến sông trăng”: Bến bờ hạnh phúc, cõi sống.  + Thuyền “chở trăng”: Thuyền chở hy vọng, hạnh phúc, sự sống  – Câu hỏi tu từ: “Có chở trăng về kịp tối nay?” thể hiện một sự thảng thốt, băn khoăn. Dường như tác tác giả đang ngóng trông, hy vọng và chạy đua với thời gian. Chỉ “tối nay” thôi, chứ tối mai hay tối kia đều muộn màng, không còn kịp nữa.   Cái thực và ảo hòa quyện, đan xen, giàu sức gợi: tâm trạng hoài nghi, mong ngóng, thể hiện khát vọng giao cảm với thiên nhiên và con người. Đó là tình yêu cuộc sống mãnh liệt. | | 2.0 |
|  | **Đánh giá (KB)**: Bài thơ là cảnh xứ Huế thơ mộng, trữ tình, tràn đầy sức sống, chứa đựng tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước. Đồng thời, bài thơ cũng chứa đựng nỗi cô đơn, tuyệt vọng của thi nhân nhưng vẫn khát khao yêu, sống mãnh liệt, thể hiện một nghị lực sống phi thường | | 0.25 |
|  | **Nghệ thuật** - Hình ảnh thơ độc đáo, đẹp và gợi cảm  - Ngôn ngữ thơ trong sáng, tinh tế, đa nghĩa  - Các biện pháp tu từ được sử dụng thành công: câu hỏi tu từ, điệp từ, so sánh, nhân hóa... | | 0.25 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | | 0.25 |
| e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0.25 |
|  | **TỔNG** **ĐIỂM** | | **10.0** |